

Bản án số: 02/2021/HS-ST
Ngày: 08/01/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Văn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Xuân Tím và ông Nguyễn Trọng Bộ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Quốc Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2021; Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 76/2020/TLST- HS ngày 20 tháng 11 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 65/2020/QĐXXST-HS ngày 17/12/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2020/HSST-QĐ ngày 28/12/2020, Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 06/2020/HSST-QĐ ngày 31/12/2020 đối với các bị cáo:

1/. VŨ VĂN P, sinh năm 1987

Nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam.

Trình độ văn hoá: 07/12; Nghề nghiệp: Công nhân.

Bố: Vũ Văn C, sinh năm 1962; Mẹ: Đào Thị L, sinh năm 1964. Gia đình có 2 anh em, bị cáo là con thứ nhất. Vợ: Phan Thị H, sinh năm 1990; có 2 con: Lớn sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 20/9/2020 đến ngày 23/9/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

2/. ĐỒNG VĂN H, sinh năm 1987

Nơi cư trú: Thôn Ln, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam.

Trình độ văn hoá: 09/12; Nghề nghiệp: Công nhân.

Bố: Đồng Văn T, sinh năm 1953; Mẹ: Hoàng Thị L, sinh năm 1955. Gia đình có 3 chị em, bị cáo là con thứ ba. Vợ: Hứa Thị T, sinh năm 1991; có 3 con: Lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2020. Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 20/9/2020 đến ngày 23/9/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

3/. NGUYỄN VĂN Q, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Thôn V, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam.

Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Công nhân.

Bố: Nguyễn Văn P, sinh năm 1962; Mẹ: Nguyễn Thị X, sinh năm 1964.

Gia đình có 2 anh em, bị cáo là con thứ nhất. Vợ: Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1991; có 3 con: Lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2020. Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 20/9/2020 đến ngày 23/9/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

4/. ĐỖ VĂN Đ, sinh năm 1991.

Nơi cư trú: Thôn B, xã T, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam.

Trình độ văn hoá: 09/12; Nghề nghiệp: Công nhân.(Là Đảng viên ĐCSVN, đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng). Bố: Đỗ Văn Đ, sinh năm 1960; Mẹ: Trần Thị B, sinh năm 1963. Gia đình có 4 anh chị em, bị cáo là con thứ tư. Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 20/9/2020 đến ngày 23/9/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

5/. NGUYỄN VĂN V, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: Khu L, xã H, thị xã K, Hải Dương.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam.

Trình độ văn hoá: 9/12; Nghề nghiệp: Công nhân.

Bố: Nguyễn Văn Y, sinh năm 1965; Mẹ: Nguyễn Thị T, đã chết. Gia đình có 3 anh em, bị cáo là con thứ hai. Vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1993; có 1 con sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 20/9/2020 đến ngày 23/9/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

6/. NGUYỄN VĂN K, sinh năm 1994.

Nơi cư trú: Khu A, Phường A, Thị xã K, tỉnh Hải Dương.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam.

Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Công nhân.

Bố: Nguyễn Văn C, sinh năm 1972; Mẹ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1971. Gia đình có 2 anh em, bị cáo là con thứ hai. Vợ: Lương Thị H, sinh năm 2000. Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 20/9/2020 đến ngày 23/9/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

7/. NGUYỄN THẾ L, sinh năm 1976.

Nơi cư trú: Thôn D, xã P, huyện K, Hải Dương.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam.

Trình độ văn hoá: 06/12; Nghề nghiệp: Công nhân.

Bố: Nguyễn Thế L, sinh năm 1945; Mẹ: Đỗ Thị C, sinh năm 1953. Gia đình có 3 anh em, bị cáo là con thứ nhất. Vợ: Mạc Thị B, sinh năm 1977; có 2 con: Lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2003. Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày

20/9/2020 đến ngày 23/9/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

* *Người làm chứng:* Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Thôn L, xã K, huyện K, Hải Dương.

(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa; người làm chứng vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 20/9/2020; Đỗ Văn Đ, Vũ Văn P, Nguyễn Văn Q, Đồng Văn H, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn K và Nguyễn Thế L (đều là công nhân của Công ty cổ phần bê tông Phan Vũ Hải Dương có địa chỉ tại thôn Dưỡng Thái Tg, xã P, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương) đến công ty làm ca đêm. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày công nhân được nghỉ giữa ca và ăn đêm. Khoảng 23 giờ 10 phút, sau khi ăn xong, Nguyễn Văn Q, Đỗ Văn Đ, Vũ Văn P, Đồng Văn H và Nguyễn Văn V ở phòng điều khiển trạm trộn ly tâm 1, xưởng 1 của công ty để nghỉ, thì P và các đối tượng trên phát hiện dưới sàn nhà gần cửa ra vào có một bộ bài tú lơ khơ có mặt ngoài màu xanh nên cùng thống nhất trong lúc chờ làm, cả nhóm đánh bạc bằng hình thức đánh liêng được thua bằng tiền, gà 10.000 đồng, tổ cao nhất không quá 100.000 đồng. P lấy bộ bài để ra trước mặt, Đ chia bài và bắt đầu đánh bạc với nhau. Hình thức đánh liêng là sử dụng bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài chia cho mỗi người chơi 03 quân, mỗi người phải đặt 10.000 đồng tiền “gà” ra chiếu bạc, sau đó tham gia “tổ” không quá 100.000 đồng, những người tham gia “tổ” bỏ ra số tiền tương ứng để theo và “tổ” tiếp, nếu ai không theo thì úp bài thua. Những người còn lại so sánh thắng thua với nhau, thứ tự ưu tiên như sau: “sáp” có giá trị lớn nhất gồm 3 quân bài cùng giá trị, sau đó đến “liêng” gồm 3 quân bài có giá trị liên tiếp, cuối cùng là so điểm. Người thắng cuộc sẽ được toàn bộ số tiền “gà” và tiền “tổ” của những người tham gia. Khi bắt đầu chơi Đ có 610.000 đồng, P có 1.300.000 đồng, Q có 800.000 đồng, H có 1.000.000 đồng và V có 520.000 đồng sử dụng để đánh bạc. Đ, P, H, V và Q đánh bạc đến khoảng 23 giờ 20 phút cùng ngày có Nguyễn Thế L vào phòng và sử dụng 410.000 đồng tham gia đánh bạc cùng. L vào tham gia đánh bạc được khoảng 10 phút thì có Nguyễn Văn K vào phòng và sử dụng 920.000 đồng để đánh bạc. Đ, P, Q, V, H, L, K đánh bạc liên tục đến 23 giờ 55 phút cùng ngày thì bị Công an huyện Kim Thành phát hiện bắt quả tang, vật chứng thu giữ tại chiếu bạc gồm 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân và số tiền 1.760.000 đồng. Kiểm tra thu giữ trên người các đối tượng được tổng số tiền 3.300.000 đồng dùng để đánh bạc, gồm: Thu của L 400.000 đồng, Đ 300.000 đồng, P 1.000.000 đồng, H 700.000 đồng, V 200.000 đồng, K 700.000 đồng, thu trong ốp điện thoại của Q số tiền 500.000 đồng sử dụng để đánh bạc.

Quá trình điều tra, các bị can Vũ Văn P, Đồng Văn H, Nguyễn Văn Q, Đỗ Văn Đ, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn K và Nguyễn Thế L đều thừa nhận hành vi phạm tội.

Tại Cáo trạng số 68/CT - VKS ngày 18/11/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương đã truy tố: Vũ Văn P, Đồng Văn H, Nguyễn Văn Q, Đỗ Văn Đ, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn K và Nguyễn Thế L đều về tội “*Đánh bạc*” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay:

* Các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội như Quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để giảm nhẹ hình phạt.

* Đại diện VKSND huyện Kim Thành giữ nguyên Quyết định truy tố; nêu những chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Đề nghị: Tuyên bố các bị cáo Vũ Văn P, Đồng Văn H, Nguyễn Văn Q, Đỗ Văn Đ, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn K và Nguyễn Thế L và đều phạm tội “*Đánh bạc*”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với tất cả các bị cáo. Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Thế L, Đỗ Văn Đ và Nguyễn Văn Q.

- Khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Vũ Văn P, Đồng Văn H, Nguyễn Văn Q, Đỗ Văn Đ, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn K.

- Khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự; Điều 92 Luật thi hành án hình sự đối với các bị cáo Vũ Văn P, Đồng Văn H, Nguyễn Văn Q.

- Khoản 1, 2, 3 Điều 35 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thế L.

- Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Đỗ Văn Đ, Nguyễn Văn V và Nguyễn Văn K.

- Điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự. Điểm a, b, c khoản 2 Điều 106; Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự. Luật phí, lệ phí. Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đối với tất cả các bị cáo trong vụ án.

Xử phạt:

1. Vũ Văn P từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2. Đồng Văn H từ 07 tháng đến 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 đến 20 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

3. Nguyễn Văn Q từ 07 tháng đến 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 đến 20 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Nguyễn Văn V từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian đã tạm giữ sau khi quy đổi là 09 ngày, bị cáo phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ từ 11 tháng 21 ngày đến 14 tháng 21 ngày.

5. Đỗ Văn Đ từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian đã tạm giữ sau khi quy đổi là 09 ngày, bị cáo phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ từ 11 tháng 21 ngày đến 14 tháng 21 ngày.

6. Nguyễn Văn K từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian đã tạm giữ sau khi quy đổi là 09 ngày, bị cáo phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ từ 11 tháng 21 ngày đến 14 tháng 21 ngày.

Khấu trừ từ 5 đến 10% thu nhập của các bị cáo Đỗ Văn Đ, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn K trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ sung ngân sách nhà nước.

Giao bị cáo Vũ Văn P cho UBND xã T, huyện K, Hải Dương; giao bị cáo Đồng Văn H cho UBND xã L, huyện K, Hải Dương; giao bị cáo Nguyễn Văn Q cho UBND xã K, huyện K, Hải Dương; giao bị cáo Đỗ Văn Đ cho UBND xã T, thị xã K, Hải Dương; giao bị cáo Nguyễn Văn V cho UBND phường H, thị xã K, Hải Dương và giao bị cáo Nguyễn Văn K cho UBND phường A, thị xã K, Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo và cải tạo không giam giữ.

7. Phạt tiền bị cáo Nguyễn Thế L từ 30.000.000đ đến 40.000.000đ sung ngân sách nhà nước.

- Hình phạt bổ sung: Phạt tiền đối với các bị cáo Vũ Văn P, Đồng Văn H, Nguyễn Văn Q, Đỗ Văn Đ, Nguyễn Văn V và Nguyễn Văn K mỗi bị cáo từ 10.000.000đ đến 20.000.000đ sung ngân sách nhà nước.

- Xử lý vật chứng:

+ Tịch thu cho tiêu hủy 01 bộ tú lơ khơ gồm 52 quân, có mặt ngoài màu xanh.

+ Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 5.560.000 đồng là tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc.

- Án phí: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an huyện Kim Thành; Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội như Quyết định truy tố của Viện kiểm sát; diễn biến hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của các bị cáo tại quá trình điều tra và phù hợp khách quan với những tài liệu, chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập trong hồ sơ vụ án.

Đã có đủ căn cứ kết luận: Trong thời gian từ khoảng 23 giờ 10 phút đến 23 giờ 55 phút ngày 20/9/2020, tại phòng điều khiển trạm trộn ly tâm 1, xưởng 1 của Công ty cổ phần bê tông P Vũ Hải Dương (địa chỉ: thôn Dưỡng Thái Bắc, xã Phúc Thành, huyện

Kim Thành, tỉnh Hải Dương); Vũ Văn P, Đồng Văn H, Nguyễn Văn Q, Đỗ Văn Đ, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn K và Nguyễn Thế L đã có hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức đánh liêng, số tiền sử dụng đánh bạc là 5.560.000 đồng. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành đã truy tố tất cả các bị cáo trong vụ án đều về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] *Đánh giá vị trí, vai trò của từng bị cáo trong vụ án:* Đây là vụ án có yếu tố đồng phạm; các bị cáo Vũ Văn P, Đồng Văn H, Nguyễn Văn Q, Đỗ Văn Đ, Nguyễn Văn V tham gia đánh bạc từ đầu; trong đó bị cáo Vũ Văn P là người lấy bài, cùng bị cáo Đồng Văn H, Nguyễn Văn Q sử dụng số tiền đánh bạc lớn hơn các bị cáo còn lại nên mức độ nguy hiểm của các bị cáo này cao hơn các bị cáo còn lại. Các bị cáo Nguyễn Văn K, Nguyễn Thế L tham gia đánh bạc sau; tuy nhiên bị cáo L sử dụng số tiền đánh bạc ít hơn bị cáo K.

[4] *Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:*

Hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện gây nguy hiểm cho xã hội, gây mất an ninh trật tự tại địa phương; làm ảnh hưởng đến cuộc sống kinh tế gia đình các đối tượng phạm tội và là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác.

[5] *Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

- Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.
- Tại quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, tất cả các bị cáo đều có thái độ khai báo thành khẩn; có nhân thân tốt, số tiền sử dụng đánh bạc không lớn, thực hiện hành vi phạm tội không có sự bàn bạc, chuẩn bị từ trước nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “Người phạm tội thành khẩn khai báo” và “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Đỗ Văn Đ có thời gian phục vụ quân đội, được tặng thưởng Giấy khen; bị cáo Nguyễn Thế L có bố mẹ đẻ là người tham gia kháng chiến, được tặng thưởng Huân, huy chương; bố đẻ bị cáo Nguyễn Văn Q có thành tích trong công tác y tế được tặng Kỷ niệm chương nên các bị cáo này được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xét thấy: Các bị cáo Vũ Văn P, Đồng Văn H, Nguyễn Văn Q, Đỗ Văn Đ, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn K và Nguyễn Thế L đều thực hiện hành vi phạm tội ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt và là người lao động nhất thời phạm tội; đủ tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và có nơi thường trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly khỏi xã hội mà căn cứ vào vị trí, vai trò của từng bị cáo trong vụ án để quyết định hình phạt chính là phạt tù cho hưởng án treo; cải tạo không giam giữ và phạt tiền cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo và thể hiện sự nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[6] *Hình phạt bổ sung:* Do các bị cáo đều có công việc và thu nhập nên áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật

hình sự đối với các bị cáo: Vũ Văn P, Đồng Văn H, Nguyễn Văn Q, Đỗ Văn Đ, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn K. Bị cáo Nguyễn Thế L do đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[7] *Xử lý vật chứng*: Quá trình điều tra đã thu giữ: 01 bộ bài tú lơ khơ. Đây là công cụ các bị cáo sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cho tịch thu tiêu hủy. Số tiền 5.560.000 đồng là tiền thu trên chiếu bạc và thu trên người là tiền các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên cho tịch thu, sung ngân sách nhà nước.

[8] *Án phí*: Các bị cáo đều phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

** Căn cứ vào:*

- Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với tất cả các bị cáo. Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Thế L, Đỗ Văn Đ và Nguyễn Văn Q.

- Khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Vũ Văn P, Đồng Văn H, Nguyễn Văn Q, Đỗ Văn Đ, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn K.

- Khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự; Điều 92 Luật thi hành án hình sự đối với các bị cáo Vũ Văn P, Đồng Văn H, Nguyễn Văn Q.

- Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Đỗ Văn Đ, Nguyễn Văn V và Nguyễn Văn K.

- Khoản 1, 2, 3 Điều 35 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thế L.

- Điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự. Điểm a, b, c khoản 2 Điều 106; Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự. Luật phí, lệ phí. Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đối với tất cả các bị cáo trong vụ án.

** Tuyên bố*: Các bị cáo Vũ Văn P, Đồng Văn H, Nguyễn Văn Q, Đỗ Văn Đ, Nguyễn Văn V, Nguyễn Thế L và Nguyễn Văn K đều phạm tội “*Đánh bạc*”.

** Áp dụng hình phạt chính*:

1. Xử phạt: Vũ Văn P 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 08/01/2021.

2. Xử phạt: Đồng Văn H 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 08/01/2021.

3. Xử phạt: Nguyễn Văn Q 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 08/01/2021.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú trong phạm vi huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án treo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được hưởng án treo đến cư trú để giám sát, giáo dục.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú ngoài phạm vi huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có trách nhiệm làm thủ tục chuyển hồ sơ thi hành án treo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được hưởng án treo đến cư trú để tổ chức việc thi hành án theo quy định tại Điều 92 của Luật này và thông báo bằng văn bản cho Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Xử phạt: Nguyễn Văn V 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian đã tạm giữ sau khi quy đổi là 09 ngày, bị cáo phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ 11 tháng 21 ngày.

5. Xử phạt: Đỗ Văn Đ 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian đã tạm giữ sau khi quy đổi là 09 ngày, bị cáo phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ 11 tháng 21 ngày.

6. Xử phạt: Nguyễn Văn K 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian đã tạm giữ sau khi quy đổi là 09 ngày, bị cáo phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ 11 tháng 21 ngày.

Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Nguyễn Văn V, Đỗ Văn Đ và Nguyễn Văn K tính từ ngày chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Khấu trừ 10% thu nhập của các bị cáo Nguyễn Văn V, Đỗ Văn Đ và Nguyễn Văn K trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ sung ngân sách nhà nước.

Giao bị cáo Vũ Văn P cho UBND xã T, huyện K, Hải Dương; giao bị cáo Đồng Văn H cho UBND xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương; giao bị cáo Nguyễn Văn Q cho UBND xã K, huyện K, Hải Dương; giao bị cáo Đỗ Văn Đ cho UBND xã T, huyện K, Hải Dương; giao bị cáo Nguyễn Văn V cho UBND phường H, thị xã K, Hải Dương và giao bị cáo Nguyễn Văn K cho UBND phường A, thị xã K, Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo và cải tạo không giam giữ của các bị cáo này.

7. Xử phạt: Phạt tiền Nguyễn Thế L 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) sung ngân sách nhà nước.

** Hình phạt bổ sung:*

- Phạt tiền các bị cáo Vũ Văn P, Đồng Văn H, Nguyễn Văn Q, Đỗ Văn Đ, Nguyễn Văn V và Nguyễn Văn K mỗi bị cáo 10.000.000đ sung ngân sách nhà nước.

** Xử lý vật chứng:* Tịch thu cho tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân; tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 5.560.000 đồng.

(Số lượng, đặc điểm, tình trạng vật chứng theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 25/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Thành)

*** Án phí:** Buộc các bị cáo Vũ Văn P, Đồng Văn H, Nguyễn Văn Q, Đỗ Văn Đ, Nguyễn Văn V, Nguyễn Thế L và Nguyễn Văn K mỗi bị cáo đều phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

*** Quyền kháng cáo:** Án xử công khai sơ thẩm; có mặt các bị cáo. Đã báo cho các bị cáo biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hải Dương.
- VKSND huyện Kim Thành.
- Công an huyện Kim Thành.
- Cơ quan THA hình sự-Công an huyện Kim Thành.
- Chi cục THADS huyện Kim Thành.
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương.
- Ủy ban kiểm tra – Thị ủy Kinh Môn.
- Các bị cáo.
- Lưu hồ sơ vụ án.

Chu Văn Nghĩa